



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIỆT NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2050

Ths. Nguyễn Trọng Nam

Sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng (VLXD) có vai trò quan trọng đóng góp vào sự phát triển chung của ngành Công nghiệp và ngành Xây dựng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm vừa qua, phát triển VLXD đã được thực hiện theo quy hoạch cả về chủng loại, số lượng và chất lượng đáp ứng ngày càng cao nhu cầu về xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị và nhà ở. Sản xuất VLXD đồng thời cũng là giải pháp hiệu quả để xử lý khối lượng lớn chất thải của các ngành công nghiệp, nông nghiệp và rác thải sinh hoạt góp phần bảo vệ môi trường.

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Phát triển VLXD nước ta luôn được Đảng và nhà nước quan tâm chỉ đạo. Ngày 29 tháng 8 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển VLXD ở Việt Nam đến năm 2020 tại Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg (Quy hoạch 121). Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển VLXD Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2014 (Quy hoạch 1469), thay thế Quy hoạch 121.

Quy hoạch 1469 đã đưa ra quan điểm, mục tiêu, định hướng rất rõ ràng, cụ thể, có tác động tích cực đến sự phát triển của ngành VLXD. Nhiều cơ sở sản xuất VLXD đã được đầu tư mới, nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm. VLXD về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của xã hội, đồng

thời một số sản phẩm xi măng, vật liệu ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng đã tích cực tham gia vào thị trường xuất khẩu đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn, nâng tầm thương hiệu quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế. Công nghệ sản xuất VLXD ở Việt Nam thời gian qua đã có những thay đổi tích cực, các công nghệ lạc hậu đã và đang từng bước được thay thế bằng các công nghệ tiên tiến, hiện đại. Phát triển VLXD đã có sự dịch chuyển về tiêu chí, thay vì chỉ đóng vai trò phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động, xu thế phát triển VLXD đã và đang ngày càng tiệm cận với quan điểm phát triển bền vững, hài hòa cả ba nhân tố chính là kinh tế, xã hội và môi trường. Nghiên cứu phát triển VLXD không sử dụng hoặc chỉ sử dụng một phần nguyên liệu lấy trực tiếp từ tài nguyên thiên nhiên, đồng thời tăng cao hàm lượng nguyên liệu, nhiên liệu tái chế từ phế thải các ngành công nghiệp và rác thải sinh hoạt đang ngày càng được triển khai mạnh mẽ.



Phó Thủ tướng CP Trịnh Đình Dũng nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của ngành Vật liệu xây dựng trong kiến thiết, xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển đất nước



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết Bộ Xây dựng sẽ nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu một cách có chọn lọc nhằm hoàn thiện Dự thảo Chiến lược

SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIỆT NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2050

Mặc dù ngành VLXD những năm qua đã đạt được một số bước tiến nhất định, song sản xuất VLXD của Việt Nam vẫn chưa thực sự bền vững, còn bộc lộ những vấn đề bất cập phải được nghiên cứu khắc phục như: Việc đầu tư phát triển sản xuất đối với một số chủng loại VLXD còn chưa hợp lý, quy mô còn nhỏ và phân tán, hiệu quả đầu tư chưa cao; việc nghiên cứu phục hồi môi trường sau khai thác các khoáng sản làm VLXD chưa được chú trọng; công nghệ sản xuất VLXD ở một số lĩnh vực còn lạc hậu so với trình độ hiện nay ở khu vực và thế giới, đòi hỏi phải được thay thế, đổi mới; nhân lực kỹ thuật được đào tạo bài bản trong lĩnh vực sản xuất VLXD còn mỏng, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển ngày càng cao của Ngành...

Mặt khác, ngành VLXD Việt Nam hiện đang đứng trước không ít khó khăn, thách thức như: Công tác dự báo còn bất cập, công nghệ sản xuất trong một số lĩnh vực còn lạc hậu, vẫn còn tình trạng cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường... Vì vậy, trong thời gian tới, ngành vật liệu xây dựng phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời tăng dần xuất khẩu; phát triển đa dạng các sản phẩm, trong đó có các loại VLXD mới thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, ngày 18/6/2020, tại Viện Vật liệu xây dựng – Bộ Xây dựng, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng chủ trì buổi làm việc về Chiến lược Phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050. Phó Thủ tướng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Chiến lược Phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050. Chiến lược này phải đề ra những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phân

công trách nhiệm tới các Bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành, địa phương kế hoạch hóa trong nhiệm vụ từng năm, 5 năm và xa hơn.

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của ngành VLXD trong kiến thiết, xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển đất nước và cho biết những năm qua, nhà nước, Chính phủ rất chú trọng xây dựng chính sách pháp luật, hoàn thiện thể chế nhằm nâng cao vai trò quản lý nhà nước đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thị trường VLXD Việt Nam phát triển.

Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng đánh giá, hiện nay đầu tư trong lĩnh vực VLXD ngày càng tăng đã tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động, nhiều công trình mới được xây dựng, góp phần làm thay đổi diện mạo đô thị và nông thôn Việt Nam, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế đất nước. Bên cạnh đó, công nghệ sản xuất VLXD cũng có bước thay đổi tích cực, công nghệ hiện đại đã dần thay thế công nghệ lạc hậu, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm VLXD, chú trọng bảo vệ môi trường.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng, Bộ Xây dựng đã giao Viện VLXD chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng tiến hành khảo sát, đánh giá hiện trạng ngành sản xuất VLXD Việt Nam, đồng thời tổ chức nhiều hội thảo nhằm tổng hợp ý kiến các chuyên gia, tham khảo kinh nghiệm quốc tế phục vụ công tác xây dựng Chiến lược Phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050, đảm bảo chất lượng tốt nhất.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà cho biết, nội dung Chiến lược nêu rõ quan điểm, mục đích cũng như các mục tiêu phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 như: Đáp ứng yêu cầu cơ bản trong nước về VLXD, tiến tới nâng dần tỷ trọng xuất khẩu; tiếp

cận, ứng dụng nhanh nhất những tiến bộ, thành tựu khoa học công nghệ; triệt để tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu; bảo vệ tốt nhất môi trường sinh thái; phát huy, khuyến khích được các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư phát triển VLXD; phân bổ mạng lưới các cơ sở sản xuất VLXD phù hợp với điều kiện tự nhiên, tài nguyên, cơ sở hạ tầng, yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương.

Tại buổi làm việc, Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ Chu Ngọc Anh bày tỏ sự thống nhất cao với nội dung Dự thảo Chiến lược Phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 do Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện, đặc biệt là các nội dung về quan điểm, mục tiêu phát triển, các nhiệm vụ chủ yếu trong phát triển VLXD Việt Nam thời gian tới.

Tiếp thu những chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính Phủ Trịnh Đình Dũng và các ý kiến đóng góp của các đại biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, Bộ Xây dựng sẽ nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu một cách có chọn lọc nhằm hoàn thiện Dự thảo Chiến lược Phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 đảm bảo chất lượng tốt nhất trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Bối cảnh quốc tế hiện nay cho thấy kinh tế toàn cầu dự báo sẽ tăng trưởng trung bình 3,2%/năm trong giai đoạn 2025 - 2035, trong đó hội nhập thương mại, đô thị hoá và tiến bộ công nghệ sẽ là lực đẩy chính. Xu thế phát triển VLXD trên thế giới gắn liền với ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tận thu các loại phế thải công nghiệp, giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải carbon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu với nhiều chủng loại sản phẩm ngày càng phong phú, đa dạng bao gồm các loại VLXD tiết kiệm năng lượng, VLXD xanh, có chất lượng cao, giá trị gia tăng cao, vượt xa VLXD truyền thống. Phát triển VLXD thế giới đồng thời cũng chịu tác động mạnh mẽ của các xu thế về đổi mới công nghệ theo cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các tiến bộ về công nghệ số, người máy hiện đại, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet kết nối vạn vật. Việt Nam hiện đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vì vậy phát triển VLXD nước ta chịu tác động của các xu thế phát triển VLXD, tiến bộ khoa học kỹ thuật thế giới là tất yếu.

Trong thời gian tới, phát triển VLXD của nước ta cần phải đảm bảo tuân thủ các định hướng lớn về phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu tăng trưởng kinh tế, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc gia, chủ động hội nhập quốc tế, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, các-bon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước đến năm 2030 và 2050, đã được Đảng,



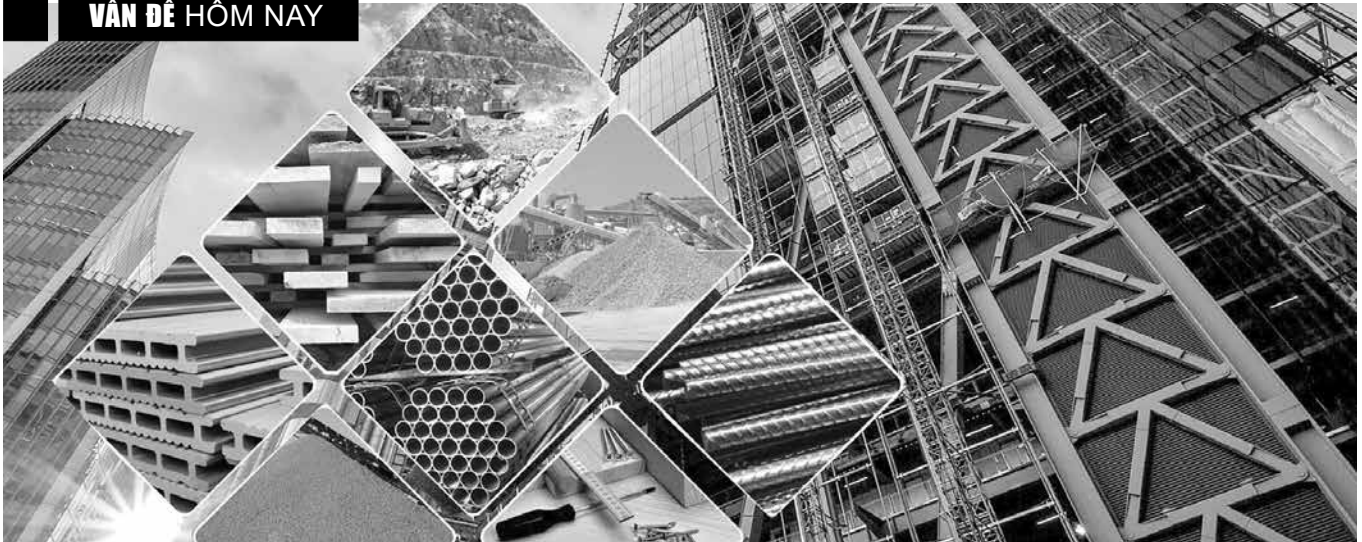
Phó Thủ tướng CP Trịnh Đình Dũng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà, Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ Chu Ngọc Anh thăm cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm của Viện Vật liệu xây dựng

Quốc hội và Chính phủ đưa vào các văn bản Nghị quyết, Quy hoạch về kinh tế - xã hội như Nghị quyết 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về chủ trương, chính sách lớn nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 52-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong đó, Nghị quyết Trung ương số 05/NQ-TW ngày 1/11/2016 đã chỉ rõ “*Đổi mới mô hình tăng trưởng là để nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện về cả kinh tế, xã hội và môi trường*”. Đồng thời, phát triển VLXD nước ta trong thời gian tới cần phải gắn kết, phối hợp chặt chẽ với các Chiến lược phát triển các lĩnh vực khác đã được Chính phủ ban hành.

Quan điểm của Chiến lược là: Phát triển bền vững ngành VLXD; áp dụng khoa học công nghệ mới trong sản xuất VLXD; tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; gắn sản xuất VLXD với tái chế, tái sử dụng các chất thải công nghiệp, nông nghiệp, xử lý rác thải và bảo vệ môi trường; đẩy mạnh sản xuất các chủng loại VLXD có giá trị kinh tế cao; nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm VLXD trên thị trường trong nước và quốc tế.

Về đầu tư

+ Ưu tiên đầu tư các dự án sản xuất VLXD mới, các dự án công suất lớn ở các vùng có điều kiện thuận lợi về nguyên liệu, có điều kiện phát triển công nghiệp, có điều kiện hạ tầng giao thông, gần thị trường tiêu thụ; các dự án đầu tư mở rộng; các cơ sở chuyên chế biến nguyên liệu theo hướng tập trung, quy mô lớn.



Chiến lược là công cụ quan trọng để định hướng phát triển VLXD nước ta theo hướng bền vững, hiệu quả kinh tế - xã hội, tiết kiệm tài nguyên

+ Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất VLXD; phát triển cơ khí chế tạo cho công nghiệp VLXD.

+ Không đầu tư các dự án sản xuất VLXD ở các vùng ảnh hưởng đến khu bảo tồn, di sản văn hóa, phát triển du lịch, an ninh quốc phòng.

+ Không đầu tư, hoặc chuyển nhượng dự án sản xuất VLXD có yếu tố nước ngoài ở khu vực có ảnh tới an ninh quốc phòng.

Về công nghệ

+ Sử dụng công nghệ tiên tiến với mức độ cơ giới hóa, tự động hóa cao vào sản xuất, từng bước áp dụng công nghệ 4.0, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.

+ Khuyến khích các nhà máy sản xuất VLXD đầu tư chiều sâu, nâng cấp công nghệ, ứng dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.

+ Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa các thiết bị, phụ tùng thay thế trong dây chuyền sản xuất VLXD.

Về sử dụng tài nguyên: Khai thác, quản lý sử dụng tài nguyên khoáng sản làm VLXD tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng quy định pháp luật; bảo vệ cảnh quan môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa và an ninh quốc phòng.

Về môi trường: Các dự án sản xuất VLXD phải được đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý các chất thải trước khi thải ra môi trường. Tăng cường kiểm soát chặt chẽ nồng độ khí thải, nồng độ bụi, chất thải rắn, nước thải ra môi trường trong quá trình sản xuất. Lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và đảm bảo đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định.

Về sản phẩm: Phát triển đa dạng chủng loại và mẫu mã sản phẩm; chú trọng phát triển các sản phẩm có tính năng mới, có giá trị kinh tế cao, sản phẩm thích ứng biến

đổi khí hậu; đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu một số sản phẩm có lợi thế và có tính cạnh tranh cao.

- Mục tiêu phát triển:

+ Thời kỳ 2021 - 2030: Đầu tư sản xuất VLXD có quy mô công suất lớn đáp ứng nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu; đầu tư phát triển các sản phẩm có năng lực cạnh tranh, thân thiện môi trường; đa dạng chủng loại sản phẩm VLXD chất lượng cao, có giá trị kinh tế cao; phát triển các sản phẩm phù hợp cho công trình biển đảo, bền trong các môi trường xâm thực, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Thời kỳ 2031 - 2050: Sản xuất VLXD đạt trình độ là ngành công nghiệp hiện đại, công nghiệp xanh, áp dụng triệt để các giải pháp công nghệ thông tin sử dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật vào quản lý và sản xuất; đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và lợi thế cạnh tranh.

Chiến lược phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 là công cụ quan trọng để định hướng phát triển VLXD nước ta theo hướng bền vững, hiệu quả kinh tế - xã hội, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, năng lượng, bảo vệ môi trường. Chiến lược được ban hành đồng thời sẽ là căn cứ để xây dựng các kế hoạch thực hiện của các Bộ, ngành, địa phương và các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến công tác đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, loại bỏ các cơ sở sản xuất VLXD và kiểm soát chất lượng các sản phẩm VLXD trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Dự thảo Chiến lược phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050
2. <http://moc.gov.vn/vn/tin-tuc/1173/63042/pho-thu-tuong-trinh-dinh-dung-chu-tri-buoi-lam-viec-ve-chien-luoc-phat-trien-vat-lieu-xay-dung-viet-nam-thoi-ky-2021---2030--dinh-huong-den-nam-2050.aspx>



TỔ CHỨC & QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH

TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM



PGS.TS. Ngô Thám*

Tóm tắt: Hiện nay các ngành công nghiệp ở nước ta càng ngày càng phát triển, đất nước đang theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, vì thế tình trạng ô nhiễm môi trường càng trở nên cấp bách. Để khắc phục tình trạng này, việc tạo cảnh quan khu công nghiệp, sử dụng cây xanh để bảo vệ môi trường là một giải pháp tích cực nhằm hạn chế các ảnh hưởng bất lợi của công nghiệp đối với môi trường. Tuy nhiên, không gian xanh trong nhiều khu công nghiệp chưa được coi trọng và quan tâm đúng mức từ khâu quy hoạch, thiết kế cho đến khâu quản lý vận hành. Bài báo nêu giải pháp tổ chức và quản lý không gian xanh trong các khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Tổ chức, quản lý, không gian xanh, khu công nghiệp.

Abstract: Today, industries in our country have been developing more and more, the country is heading towards the modernization and industrialization. Thus, the environmental pollution is increasingly urgent. To solve this problem, creating landscape for industrial zones, using green trees to protect the environment is a positive solution to minimize negative impacts of industry to the environment. However, green space in the industrial zones has not received proper respect and interests in fields of planning, designing or operation and management. The article states solutions for organizing and managing green space in industrial zones in Vietnam these days.

Keywords: Organizing, managing, green space, industrial zone.

Nhận ngày 23/4/2020, chỉnh sửa ngày 15/5/2020, chấp nhận đăng ngày 29/5/2020.

Hiện nay cả nước đã có 328 khu công nghiệp (KCN), việc xây dựng và phát triển các KCN là một trong các giải pháp quan trọng để đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mặt khác xây dựng và phát triển KCN cũng góp phần to lớn cải thiện bộ mặt không gian kiến trúc đô thị. Tuy nhiên, do bất cập trong việc lựa chọn địa điểm xây dựng, trong quy hoạch thiết kế, quá trình xây dựng, vận hành và trong quản lý, bao gồm vấn đề tổ chức và quản lý không gian xanh (cây xanh và mặt nước), đã để lại hậu quả xấu cho môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe người dân và cũng làm ảnh hưởng đến bộ mặt kiến trúc đô thị. Không gian xanh là thành phần quan trọng không những góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường, mang lại lợi ích kinh tế, xã hội mà còn góp phần cải thiện bộ mặt thẩm mỹ, tạo ra bản sắc riêng cho đô thị và KCN. Tuy nhiên, hiện nay không gian xanh (KGX) trong nhiều KCN chưa được coi trọng và quan tâm đúng mức từ khâu quy hoạch, thiết kế cho đến khâu quản lý vận hành.

*Khoa Xây dựng, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, TP. Hồ Chí Minh



Sử dụng cây xanh để bảo vệ môi trường là một giải pháp tích cực nhằm hạn chế các ảnh hưởng bất lợi của công nghiệp đối với môi trường

Ngày 12/4/2012 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 432/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020, ngày 25/9/2012 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1393/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, trong đó nhấn mạnh phát triển KGX nhằm bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng các hệ sinh thái

Từ đó cho thấy, việc tổ chức và quản lý KGX trong đô thị nói chung và KGX trong KCN nói riêng là vô cùng cần thiết.

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

1. Tình hình tổ chức

Tổ chức KGX trong các KCN vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Trong quy hoạch và xây dựng các KCN hiện nay, mật độ xây dựng thường bị đẩy lên mức tối đa vì vậy việc sử dụng quỹ đất dành cho KGX còn rất bị hạn chế. Mặt khác, việc chăm sóc, bảo dưỡng chưa được chú ý thường xuyên, vì vậy KGX chưa phát huy được hết hiệu quả, chưa đóng góp tích cực cho việc cải thiện môi trường và bộ mặt kiến trúc đô thị, KCN. Việc phân bố cây xanh, lựa chọn và trồng các loại cây xanh cũng chưa hợp lý do đó kém tích cực trong việc cải thiện vi khí hậu, giảm độc hại bụi bẩn và bảo vệ môi trường KCN cũng như đô thị.

Vấn đề môi trường trong các KCN vẫn còn nan giải, chất lượng nước thải nhiều KCN thải ra môi trường vẫn còn vượt tiêu chuẩn cho phép. Công tác quản lý và xử lý chất thải còn những hạn chế. Hệ thống xử lý khí thải còn thiếu và yếu.

2. Tình hình về quản lý

Văn bản quy phạm pháp luật

Hiện nay việc quản lý KGX đô thị và KGX KCN được dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật sau: Pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ

môi trường, pháp luật về đầu tư, về bảo vệ và phát triển rừng, về xây dựng.

Ngoài các văn bản quy phạm pháp luật, việc quản lý KGX còn dựa trên các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia. Các chính sách có ảnh hưởng đến việc quản lý KGX là chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, chiến lược phát triển bền vững Việt nam giai đoạn 2011-2030, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các KCN còn thiếu hệ thống KGX và chưa có quy chế quản lý KGX.

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, thiết kế khu công nghiệp

Hiện nay cùng với thiết kế đô thị, quy chế quản lý QH-KT ban hành, đưa vào sử dụng thì công tác lập, thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng KCN được chú trọng, đã có sự phối hợp trong định hướng QH và XD phát triển KCN. Tuy nhiên, cần quan tâm giải quyết kịp thời các vướng mắc khó khăn, sớm phát hiện các dự án triển khai chậm, sai mục đích và cần có quy chế quản lý KGX trong các KCN.

Bộ máy quản lý

Hiện nay bộ máy quản lý của KCN từ Trung ương đến địa phương được tổ chức và hoạt động theo Nghị định 29/2008/NĐ-CP, Nghị định số 164/2013/NĐ-CP và mới đây là Nghị định 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý KCN. Mặc dù đã được hoàn thiện và giúp ích rất lớn trong việc quản lý KCN, tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần được nghiên cứu bổ sung để hoàn thiện bộ máy quản lý KCN hơn.

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

1. Tổ chức cây xanh, mặt nước

Nguyên tắc

- Tổ chức KGX trong KCN phải tuân thủ theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Cây xanh trong KCN phải phù hợp điều kiện tự nhiên, cảnh quan khu vực và cảnh quan đô thị.

- Tổ chức KGX trong KCN cần thực hiện đồng bộ từ cây xanh cách ly, cây xanh cải thiện vi khí hậu, cây xanh tổ chức cảnh quan, trở thành một tổng thể thống nhất trên toàn bộ lãnh thổ khu công nghiệp.

- Cây xanh, mặt nước là hai yếu tố then chốt tạo nên KGX, vì vậy cần có sự kết hợp hài hòa hai yếu tố này và phân bố chúng hợp lý trên toàn khu đất.

Tổ chức cây xanh

Sử dụng cây xanh để bảo vệ môi trường là một giải pháp tích cực nhằm hạn chế các ảnh hưởng bất lợi của công nghiệp đối với môi trường. Nó cho phép cải thiện điều kiện tổ chức không gian kiến trúc, điều kiện vệ sinh



Cần rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến quy hoạch xây dựng và quản lý các KCN để bổ sung nội dung về quản lý không gian xanh

môi trường sản xuất và nâng cao giá trị thẩm mỹ kiến trúc công nghiệp. Với đặc điểm khí hậu nóng ẩm của nước ta thì việc bố trí cây xanh trên lãnh thổ như: Trồng cây xanh trong dải cách ly vệ sinh, trong các khu vực sản xuất, trong khu vực hành chính quản lý, hai bên đường giao thông... có tác dụng rất tốt nhằm cải thiện điều kiện vi khí hậu, che chắn bụi bẩn độc hại, ngăn chặn bức xạ mặt trời, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

Trên lãnh thổ KCN cây xanh được tổ chức theo 3 nhóm chính:

- + Cây xanh có chức năng bảo vệ.
- + Cây xanh có chức năng tham gia bố cục kiến trúc.
- + Cây xanh cải thiện điều kiện vi khí hậu.

Ba nhóm cây xanh này có liên hệ chặt chẽ với nhau và được bố trí đan xen nhau. Tùy vào vị trí, chức năng mà chúng ta tổ chức cho phù hợp: Cây cảnh, cây che chắn nắng, cây cách ly vệ sinh, cây bố cục kiến trúc...

Cây xanh vùng trước nhà máy có vai trò quan trọng trong tổ chức quần thể kiến trúc chung. Giải pháp bố trí hệ thống cây xanh ở đây cần đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ cao, tạo khả năng nâng cao biểu hiện nghệ thuật kiến trúc cho nhà máy. Thông thường hệ thống cây xanh này được kết hợp với các tiểu cảnh tạo nên một tổng thể hài hòa, sinh động trước bộ mặt nhà máy và kết hợp tạo thành chỗ nghỉ ngơi cho công nhân. Đây trở thành chỗ hoạt động của con người trong thời gian rảnh rỗi, tạo điều kiện phục hồi sức khỏe sau một quá trình lao động mệt mỏi. Khu cây xanh này trở thành cầu nối giữa con người và thiên nhiên.

Cây xanh chạy dọc theo đường giao thông đóng vai trò quan trọng tổ chức hệ thống cây xanh trên lãnh thổ công nghiệp, nó không chỉ có chức năng ngăn ngừa bụi và tiếng ồn, tạo cảm giác tươi mát cho cảnh quan kiến trúc mà còn góp phần tạo dựng cảnh quan.

Cây xanh bao bọc xung quanh hệ thống công trình sản xuất, kho tàng, công trình kỹ thuật cần được lựa chọn

cho phù hợp với chức năng sử dụng: Cây xanh che chắn bụi bẩn, tiếng ồn, chống bức xạ của mặt trời, cải thiện vi khí hậu...

Cây xanh có nhiều tác dụng trong lãnh thổ công nghiệp, vì thế chúng ta cần tích cực sử dụng nó. Nhưng để cho cây xanh phát huy hết khả năng làm việc thì việc lựa chọn loại cây, chiều cao cây, vị trí trồng, mật độ... phải được tính toán cân nhắc cẩn thận trong từng khu vực. Khi trồng cây xanh để che chắn bụi bẩn và bảo vệ môi trường chúng ta cần chú ý hai vấn đề:

- Hướng gió khu vực xây dựng.
- Vị trí nguồn bụi bẩn, độc hại.



Tổ chức Hồ điều hòa kết hợp với cây xanh

Tổ chức mặt nước

Cây xanh, mặt nước là hai yếu tố không thể thiếu trong công trình kiến trúc. Mặt nước không những có chức năng tạo dựng cảnh quan, thoát nước mà còn có tác dụng cải thiện điều kiện vi khí hậu. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, mặt nước có tác dụng tích cực cải thiện môi trường 2 khía cạnh vệ sinh và mỹ quan đô thị. Tùy theo quy mô diện tích, điều kiện địa hình khu đất xây dựng, cơ cấu chức năng để tổ chức hồ điều hòa.

Sức chứa, vị trí phục thuộc vào yêu cầu cụ thể và hướng thoát nước chung của toàn khu vực. Khi quy hoạch và bố trí hồ điều hòa cần chú ý kết hợp với hệ thống cây xanh, chỗ nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, thư giãn cho người lao động.

2. Giải pháp quản lý

Cần rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến quy hoạch xây dựng và quản lý KCN để bổ sung các nội dung về quản lý KGX trong các khu công nghiệp. Lập và ban hành quy chế quản lý hệ thống KGX trong các KCN.

Bổ sung và hoàn thiện bộ máy quản lý

Cần xem xét hệ thống bộ máy quản lý KCN hiện nay, từ Trung ương đến địa phương, để hoàn thiện và bổ sung, trong đó cần bổ sung bộ phận quản lý KGX trong KCN từ Trung ương đến địa phương.



Tổ chức và quản lý không gian xanh trong các KCN là nhu cầu cấp thiết nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường cải thiện vi khí hậu

Giải pháp quản lý không gian xanh trong các khu vực đặc thù

** Giải pháp quản lý không gian xanh khu vực cách ly vệ sinh.*

Đây là khoảng trống ngăn cách giữa KCN và khu dân cư nhằm hạn chế những ảnh hưởng bất lợi do quá trình sản xuất công nghiệp gây ra. Cần đảm bảo về diện tích, bán kính cần thiết theo quy định của cấp vệ sinh. Phải lựa chọn loại cây phù hợp chịu được tác động và góp phần hạn chế ảnh hưởng của các chất thải KCN. Nếu sử dụng cho mục đích khác, ngoài mục đích trồng cây xanh cách ly thì chỉ được sử dụng tối đa không quá 40%.

** Giải pháp quản lý không gian xanh trong khu vực sản xuất.*

- Đảm bảo % diện tích cây xanh theo quy định.

- Chọn loại cây phù hợp với ngành nghề sản xuất, vừa không gây trở ngại cho sản xuất còn góp phần cải thiện điều kiện vi khí hậu và tăng cường tính thẩm mỹ cho khu vực sản xuất: Hướng Tây, Tây - Nam, Tây - Bắc chọn loại cây cao, có tán rộng... để có thể góp phần che chắn nắng, hướng Nam, Đông - Nam trồng cây bụi thấp tạo điều kiện đón gió mát... .

- Tăng cường áp dụng các giải pháp hợp khối, nâng số tầng cao để có tầng thêm quỹ đất cho việc trồng cây xanh đạt tiêu chuẩn > 20%.

** Giải pháp quản lý không gian xanh trong khu vực hành chính quản lý.*

Đây là khu vực để bố trí các công trình quản lý, phục vụ phúc lợi văn hóa của KCN, tổ chức không gian xanh trong khu vực này yêu cầu có thẩm mỹ cao, có thể kết hợp các thảm hoa, thảm cỏ mặt nước... tạo nên cảnh quan đẹp và yên tĩnh. Trong khu vực này có thể bố trí các sân cầu lông, tennis, tuy nhiên nên sử dụng các khóm cây cách ly, để không ảnh hưởng lẫn nhau. Cần chú ý sự kết hợp hài hòa KGX trong sân vườn với cây xanh trong các công trình kiến trúc.

** Giải pháp sử dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý không gian xanh trong KCN.*

KGX trong KCN mang tính đặc thù cao, vừa góp phần bảo vệ môi trường hạn chế độc hại, bụi bẩn do sản xuất công nghiệp gây ra, vừa có chức năng cải thiện vi khí hậu và đóng tích cực cho môi trường thẩm mỹ, cảnh quan KCN. Việc quản lý KGX trong KCN là một việc làm khó khăn phức

tạp, vì vậy việc ứng dụng công nghệ số sẽ tạo điều kiện thuận lợi nhanh chóng, chính xác, hiệu quả hơn trong công tác quản lý.

KẾT LUẬN

Tổ chức và quản lý KGX trong các KCN là một nhu cầu cấp thiết nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường, cải thiện vi khí hậu, góp phần nâng cao thẩm mỹ KCN và đô thị.

Tổ chức và quản lý KGX trong KCN cần thực hiện đồng bộ từ cây xanh cách ly, cây xanh cải thiện vi khí hậu, cây xanh tổ chức cảnh quan, trở thành một tổng thể thống nhất trên toàn bộ lãnh thổ KCN.

Cây xanh, mặt nước là hai yếu tố then chốt tạo nên KGX, vì vậy cần có sự kết hợp hài hòa hai yếu tố này và phân bố chúng hợp lý trên toàn khu đất.

Để cho công tác quản lý KGX trong KCN có hiệu quả cần thực hiện đồng bộ từ các cơ sở pháp lý, việc tổ chức triển khai, tổ chức bộ máy quản lý cũng như kiểm soát hệ thống cây xanh, mặt nước trong tất cả các khu vực chức năng trong KCN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Xây dựng – Vụ Quản lý kiến trúc quy hoạch (1998), Quy hoạch quản lý và phát triển các KCN Việt Nam, Nxb khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
2. Lương Tiến Dũng (2018) Quản lý hệ thống không gian xanh các đô thị vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải đông bắc, lấy đô thị Ninh Bình làm ví dụ. Luận án tiến sỹ, Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội.
3. Phạm Ngọc Đăng (1992) Ô nhiễm môi trường không khí đô thị và khu công nghiệp. Nhà xuất bản KHKH.
4. Ngô Thám (1997) Giải pháp quy hoạch kiến trúc các xí nghiệp công nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường Hà Nội. Luận án tiến sỹ, Đại học Kiến trúc Hà Nội.
5. ACAA (2009), 2008 CCPs Production & Survey report retrieved april 2010, from ACCA Apasa. Papers, Volume on October 1994.
6. Insitute of Southeast Asian Studies (1992), The IMPACT of inestment in Malaysia, Singapor, Thailand.
7. Towart environmental strategises of City 1995, Published for the Urban managermen program by the worldbank tropolitan Washington DC, No 18.